

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HS-ST

Ngày 24 - 4 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền
2. Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Thăng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2026/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐXX - ST, ngày 10 tháng 04 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Đức H**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/5/1966 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số CCCD: 040066012958; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Đức T và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có vợ Phí Thị S và 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2011/HSST ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, hình phạt bổ sung phạt tiền 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” Đã chấp hành xong quyết định của các bản án và đã được xóa án tích; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 202/QĐ-XPVPHS ngày 16/8/2018 của Công an huyện H (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPHC ngày 14/10/2020 của Công an xã H, huyện H (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Đức S1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/11/1990 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; Số căn cước công dân: 040090031064; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Xuân Đ và con bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có vợ Nguyễn Thị A và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 04 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 03 tháng tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, tổng hợp hình phạt 04 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ của Bản án số 27/2018/HSST ngày 12/11/2018 (nêu trên), tổng hợp hình phạt của hai bản án là 07 tháng 15 ngày tù. Đã chấp hành xong quyết định của các bản án và đã được xóa án tích. Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Đức K**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/5/1972 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân: 040072027670; nơi cư trú: xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Hữu T2 và bà Hoàng Thị H2; bị cáo có vợ Hoàng Thị H3 và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000; tiền sự, tiền án: Không ; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018 ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong các quyết định của bản án và đã được xóa án tích. Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay có mặt.

4. Họ và tên: **Hoàng Đức T3**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/7/1990 tại xã Y, tỉnh Nghệ An. Số căn cước công dân: 0409001779; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Hoàng Đức P và bà Nguyễn Thị K1; bị cáo có vợ: Bùi Thị T4 và 02 con, lớn sinh năm 2023, nhỏ sinh năm 2025; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt

12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” đã chấp hành xong các quyết định của bản án và đã được xóa án tích; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

5. Họ và tên: **Hoàng Đức T5**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 28/01/1991 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân 040091040124; nơi cư trú: xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Hoàng Đức H4 và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có vợ Nguyễn Thị L và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự, Tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

6. Họ và tên: **Hoàng Đức L1**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/3/1988 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân 040088038653; nơi cư trú: xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; Không; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: con ông Hoàng Đức C bà Nguyễn Thị T6; bị cáo có vợ Hồ Thị H5 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

7. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T7**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/9/1974 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân 040074027567; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu S2 và bà Đinh Thị N; bị cáo có vợ Hoàng Thị N1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

8. Họ và tên: **Hoàng Đức K2**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 06/11/1987 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân: 040087039378; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Đức H6 và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ Võ Thị N2 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất

sinh năm 2022; tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

9. Họ và tên: **Hoàng Đức H7**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 18/01/1980 tại xã Y, tỉnh Nghệ An; số căn cước công dân; 040080028016; nơi cư trú: Xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Đức M1 và bà Nguyễn Thị H8; bị cáo có vợ Nguyễn Thị P1 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/02/2026 đến ngày 09/3/2026 được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 09/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 10 phút ngày 27/02/2026, tại nhà anh Hoàng Đức T8 (sinh năm 1979) ở xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An, Công an xã Y bắt quả tang các đối tượng: Hoàng Đức H, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7, Nguyễn Hữu T7 đang đánh bạc dưới hình thức đánh liêng. Thu giữ 01 bộ bài Túlokhơ màu đỏ có 52 quân bài, 01 bộ bài Túlokhơ màu xanh có 52 quân bài và 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh. Thu giữ tiền của các đối tượng gồm: Hoàng Đức H 3.680.000 đồng, Hoàng Đức L1 2.100.000 đồng, Hoàng Đức T3 29.160.000 đồng, Nguyễn Đức K 2.750.000 đồng, Hoàng Đức T5 1.610.000 đồng, Hoàng Đức S1 1.000.000 đồng, Hoàng Đức K2 2.150.000 đồng, Hoàng Đức H7 30.910.000 đồng và Nguyễn Hữu T7 3.850.000 đồng; Thu giữ tại bàn gỗ tiếp giáp vị trí ngồi của Hoàng Đức H, Hoàng Đức T3 440.000 đồng, thu giữ tại vị trí trên mặt bàn bếp sau vị trí ngồi của Hoàng Đức H7, Hoàng Đức S1 50.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo **được thể hiện** như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/02/2026, Hoàng Đức H, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 cùng đến dự đám cưới tại nhà ông Hoàng Đức L2 thuộc xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An. Tại vị trí bàn uống nước của đám cưới gồm có Hoàng Đức H, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3 và Nguyễn Đức K, K nói: "mấy anh em chơi vui tý", ý là đánh bài tại rạp đám cưới, nhưng không thấy ai trả lời. Sau đó, H nói: "có chơi thì chơi hồi Liêng tý mà về, nếu mà chơi thì vào sau nhà T8 mà chơi", cả nhóm không nói gì nhưng ngầm đồng ý với nhau rằng sẽ đánh bạc tại nhà anh Hoàng Đức T8, đối diện nhà anh L2. Ngoài ra, H nói

với T3: "Tý nữa về bớt người thì ta đánh", T3 đồng ý. Sau đó, H đi đến quán T11 gần đó mua 02 bộ bài Túlokhơ, mỗi bộ có 52 quân bài. H cầm 02 bộ bài T9 đi vào gian phòng bếp của nhà anh T8 để chờ, Hoàng Đức L1 và Hoàng Đức T5 cũng đi vào. Tại đây, T5 gặp H và L1 đang ở trong đó nên hỏi: "mần chi đây, có làm tý cho vui hè", ý của T5 là rủ H và L1 đánh bạc. H trả lời: "rứa thì chơi tý ta về". Sau đó, L1 gọi T3 đang ngồi ngoài khu vực đám cưới vào nhà anh T8 để đánh bạc. Khi thấy T3 vào thì H lấy một chiếu nhựa màu xanh dựng ở góc nhà bếp để trải ra và lấy ra một bộ bài Túlokhơ màu đỏ để H, L1, T3 và T5 cùng đánh bạc (gọi là chiếu bạc số 1). Cả nhóm thống nhất: Đánh bài liêng, tẩy 50.000 đồng, tố từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, trong quá trình đánh, ván nào phạt 200.000 đồng và có người cân thì người thắng ván đó lấy ra từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đưa cho chủ nhà. Khi H, L1, T5 và T3 đang đánh bạc thì có Nguyễn Đức K đến, ngồi vào chiếu để đánh bạc cùng. Cả nhóm đang đánh bạc thì Hoàng Đức S1, Hoàng Đức H7, Hoàng Đức K2 đi vào nói chuyện âm ỉ nên nhóm người đang đánh bạc nói với S1, H7, K2 rằng muốn đánh bạc thì đi sang chỗ khác mà đánh. Khi đó, do đang thua bạc ở chiếu số 1 nên T5 đứng dậy cùng với S1, H7, K2 lập thành một chiếu bạc mới ngay bên cạnh chiếu bạc số 1 (gọi là chiếu bạc số 2). Thấy vậy, H đưa bộ bài Túlokhơ màu xanh sang cho nhóm của S1 đánh và H, T3, L1, K tiếp tục đánh bạc. Sau đó, Nguyễn Hữu T7 đến và vào ngồi vào chiếu bạc số 2 để tham gia đánh bạc. Cả hai chiếu bạc đều đánh bạc dưới hình thức đánh liêng, tẩy 50.000 đồng, tố từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến 22 giờ 40 phút cùng ngày, cả hai nhóm đang đánh bạc thì bị Công an xã Y phát hiện bắt quả tang, thu giữ các vật chứng và tiền như đã nêu ở trên. Số tiền dùng đánh bạc của các bị can được xác định như sau:

Tại chiếu bạc số 1: Hoàng Đức H dùng 1.030.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 2.650.000 đồng; Hoàng Đức L1 dùng 2.000.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 100.000 đồng; Hoàng Đức T3 mang đi 30.150.000 đồng, dùng 2.150.000 đồng đánh bạc và đánh thua 990.000 đồng; Hoàng Đức T5 mang đi 3.450.000 đồng dùng 2.450.000 đồng đánh bạc tại chiếu bạc số 1, sau khi đánh thua hết thì chuyển sang chiếu bạc số 2 và dùng 1.000.000 đồng đánh bạc; Nguyễn Đức K dùng 2.500.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 250.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà H, L1, T3, T5 và K sử dụng để đánh bạc tại chiếu bạc số 1 là : 10.130.000 đồng (Mười triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại chiếu bạc số 2: Hoàng Đức S1 dùng 2.950.000 đồng đánh bạc và đánh thua 1.950.000 đồng; Hoàng Đức K2 dùng 2.820.000 đồng đánh bạc và đánh thua 670.000 đồng; Hoàng Đức T5 dùng 1.000.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 610.000 đồng; Hoàng Đức H7 mang đi 29.800.000 đồng, dùng 300.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 1.110.000 đồng; Nguyễn Hữu T7 dùng 3.000.000 đồng đánh bạc và đánh thắng 850.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà T5, S1, K2, H7, T7 sử dụng để đánh bạc tại chiếu bạc số 2 là: 10.070.000 đồng (Mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 51/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 19/3/2026 của Phòng K3 Công an tỉnh N kết luận: “Số tiền 77.700.000 đồng (bảy mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) (có bảng kê mệnh giá, số hiệu kèm theo) gồm: 146 (một trăm bốn mươi sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), 20 (hai mươi) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), 10 (mười) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), 56 (năm mươi sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) và 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) gửi giám định là tiền thật.”

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSNAN - KV ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An truy tố các bị cáo Hoàng Đức H, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hoàng Đức H, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đức H từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo; Áp dụng khoản 1, **khoản 3** Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Đức S1 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đức T5 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đức T3 và Nguyễn Đức K mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Hoàng Đức L1, Nguyễn Hữu T7, Hoàng Đức K2 và Hoàng Đức H7 mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b, khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.200.000 đồng thu tại chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng để

đánh bạc; tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Túlôkhor có 52 quân là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ân hận với việc làm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt:

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 27/02/2026, tại nhà anh Hoàng Đức T8 thuộc xóm H, xã Y, tỉnh Nghệ An, Công an xã Y đã bắt quả tang Hoàng Đức H, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài “liêng”, được thua bằng tiền, thu giữ 02 bộ bài Túlôkhor, mỗi bộ có 52 quân bài và 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh; thu giữ và xác định số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau: Hoàng Đức L1, Hoàng Đức T3 và Nguyễn Đức K là 10.130.000 đồng (Mười triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng); Hoàng Đức S1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7, Nguyễn Hữu T7 là 10.070.000 đồng (Mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng); Hoàng Đức H và Hoàng Đức T5: 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An đã truy các bị cáo theo quy định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt chính: Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm

cho xã hội. Vì vậy phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm cải tạo các bị cáo và giáo dục chung cho toàn xã hội.

Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo:

Đối với Hoàng Đức H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc tuy ít hơn so với các bị cáo khác trong vụ án nhưng lại là người có vai trò chính bởi bị cáo là người rủ rê, lôi kéo cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền tại 02 chiếu bạc là 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng); bị cáo là người đã chuẩn bị dụng cụ (bộ bài tu lơ 52 quân) đồng thời là người trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với bị cáo L1, T3, T5 và K; là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về hành vi đánh bạc; Đối với Hoàng Đức S1 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu đã 03 lần bị đưa ra xét xử về nhiều tội khác nhau, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà vẫn tiếp tục phạm tội đánh bạc. Bị cáo sử dụng 2.950.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với T5, K2, H7 và T7. Bị cáo Nguyễn Đức K và Hoàng Đức T3 cũng đều là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên (cũ) đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo tham gia đánh bạc cùng với H, L1 và T5, số tiền dùng để đánh bạc của K là 2.500.000 đồng, T3 sử dụng số tiền 2.100.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Hoàng Đức T5: Là người tham gia cả hai chiếu bạc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đánh bạc là 20.020.000 đồng (trong đó số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc tại chiếu số 01 là 2,450.000 đồng, tại chiếu số 2 là 1.000.000 đồng). Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo khác còn lại. Các bị cáo H, S1, T3 và K đều là người có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án coi như chưa có tiền án.

Bị cáo Hoàng Đức L1, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 biết rõ hành vi đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình để thực hiện hành vi phạm tội, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật; bị cáo L1 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng, K2 dùng 2.820.000 đồng, H7 dùng số tiền 300.000 đồng và T7 3.000.000 đồng để đánh bạc. Lý tham gia đánh bạc cùng với Hương T10, T5 và K với tổng số tiền tại chiếu bạc là 10.130.000 đồng; Bị cáo K2, H7 và T7 trực tiếp tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền là 10.070.000 đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có tình tiết **giảm** nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); Bị cáo H7, H và L1 có thêm tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo H7 có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo L1 có ông nội là liệt sỹ và bị cáo H có bác ruột là người có công với cách mạng; Bị cáo T10 là gia đình có hoàn cảnh khó khăn vợ mới sinh con chưa được 06 tháng tuổi nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Vì vậy, không cần thiết phải

cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo H, S1, K, T10 và T5 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng: Đối với số tiền 20.200.000 đồng thu tại chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 (Một) bộ bài Túlôkhor có 52 quân; 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng và 04 vị là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên các bị cáo Hoàng Đức H, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức H 18 (mười tám) tháng tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026); phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s, khoản 1, Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức S1 15 (mười lăm) tháng tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026); phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo Hoàng Đức T5 12 (mười hai) tháng tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K 09 (chín) tháng tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026); phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T3 09 (chín) tháng tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026); phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo Hoàng Đức K2, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 4 năm 2026).

Giao bị cáo Hoàng Đức H, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc bàn, mặt bằng màu trắng đã qua sử dụng. Hiện vật chứng đang được tạm giữ tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 2 – Nghệ An có đặc điểm theo biên bản bàn giao tài sản ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa Công an tỉnh N và Phòng thi hành án Dân sự khu vực 2 - Nghệ An;

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc: 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam thu giữ trong khi bắt quả tang, hiện đang tạm gửi tại Phòng G, Kho bạc Nhà nước Khu vực X theo biên bản giao nhận tài sản ngày 24/03/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Kho bạc Nhà nước Khu vực X.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án, buộc các bị cáo Hoàng Đức H, Hoàng Đức S1, Hoàng Đức T5, Hoàng Đức T3, Nguyễn Đức K, Hoàng Đức K2, Hoàng Đức L1, Hoàng Đức H7 và Nguyễn Hữu T7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKS khu vực 2;
- CQCSĐT - Công tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Yên Trung;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- CQ THADS khu vực 2 – Nghệ An;
- THA Hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Dương